

Bản án số: 85/2021/DS-ST

Ngày: 25-6-2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Cương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Đức Hiếu**

Ông **Đặng Văn Khánh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thị Hoàng Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-DS ngày 14/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-DS ngày 27/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST-DS ngày 26/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phương Lê T**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: K383/3A đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Ngô Thị Ái L**, sinh năm 1985; Địa chỉ nơi cư trú: K98/1 đường N, tổ 08B cũ (tổ 62 mới) phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1979; Địa chỉ thường trú: Số 44A H, quận H, TP Đà Nẵng; Địa chỉ liên lạc: Số 30 đường H, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Ông Đức có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: K98/1 đường N, tổ 08B cũ (tổ 62 mới) phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2020, tại bản tự khai ngày 18/11/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phương Lê T trình bày:

Vào đầu năm 2019, tôi có quen biết bà Ngô Thị Ái L qua người em cùng cộng tác làm ăn với tôi, thông qua người này bà Ngô Thị Ái L có hỏi mượn tiền của tôi để làm ăn kinh doanh buôn bán. Sau đó ngày 27/8/2019 bà L đến gặp tôi hỏi mượn tôi số

tiền 200.000.000 đồng để mở cửa hàng thời trang tên Nấm tại đường Nguyễn Hoàng kinh doanh buôn bán. Bà L hứa hàng tháng sẽ chia tiền lời cho tôi, vì tin tưởng bà L nên tôi đã đồng ý cho bà L mượn tiền, bà L đứng ra viết giấy mượn tôi 200.000.000 đồng, thời gian mượn 1 tháng sẽ trả tiền vốn. Sau khi cho bà L mượn tiền khoảng thời gian 2-3 tháng đầu thì bà L có chia tiền lợi nhuận cho tôi đúng hẹn, nhưng sau đó bà L đóng cửa hàng và sang tên cho người khác nhưng không trả tiền cho tôi. Đến cuối tháng 01 năm 2020 tôi có đến nhà bà L, ông T để yêu cầu bà L, ông T trả nợ. Do hai bên lớn tiếng qua lại nên Công an phường H mời các bên về trụ sở làm việc. Tại công an phường H thì vợ chồng bà L, ông T xác nhận có mượn tiền của tôi và hứa một tháng sẽ trả cho tôi 50 triệu đồng, nhưng sau đó bà L, ông T chỉ trả được cho tôi số tiền 20 triệu đồng, sau đó không trả nữa. Tôi đã nhiều lần yêu cầu bà L, ông T trả nợ nhưng bà L, ông T tránh mặt và không chịu trả nợ.

Tại đơn khởi kiện tôi yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Ngô Thị Ái L trả cho tôi số tiền 200.000.000 đồng, không tính lãi.

Quá trình tố tụng và tại bản tự khai ngày 18/11/2020, tôi yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Ngô Thị Ái L trả cho tôi số tiền 180.000.000 đồng, do trước đó bà L, ông T đã trả cho tôi được 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Phương Lê T thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, theo đó ông Tùng chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô Thị Ái L phải trả cho ông số tiền 180.000.000 đồng, không tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 04/3/2021 của ông Trần Văn Đ – người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Ngô Thị Ái L trình bày:

Bà L cho rằng bà không biết ông Phương Lê T là ai, bà chỉ có làm việc giao dịch với một người tên H ở Gia Lai. Trong lúc bà L đang đi công việc thì bà H nói có người dừng xe và yêu cầu ký vào giấy vay tiền, vì tin tưởng nên bà L đã ký giấy. Do vậy, bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phương Lê T.

Quá trình thụ lý Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T nhưng ông T không hợp tác, không cung cấp bản tự khai, không tham gia các phiên hòa giải và không tham gia phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông Nguyễn Hữu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Phương Lê T khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị Ái L và ông Nguyễn Hữu T phải trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng

theo giấy mượn tiền ngày 27/8/2019, nên quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn là bà Ngô Thị Ái L có nơi cư trú tại: phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa ông Trần Văn Đ đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 3 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại đơn khởi kiện ông Phương Lê T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Ngô Thị Ái L phải trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng, không tính lãi. Tại phiên tòa ông Phương Lê T thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, theo đó ông T yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô Thị Ái L phải trả cho ông số tiền 180.000.000 đồng tiền nợ gốc, không yêu cầu tính lãi. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bị đơn bà Ngô Thị Ái L không quen biết với ông Phương Lê T chỉ quan hệ, giao dịch với người tên H ở Gia Lai, bà L viết và ký giấy mượn tiền là theo yêu cầu của người tên H. Do đó, bị đơn không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét lời khai, ý kiến trình bày của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về việc nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phương Lê T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Ngô Thị Ái L và ông Nguyễn Hữu T phải trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Phương Lê T thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, theo đó ông Phương Lê T yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Ngô Thị Ái L phải trả cho ông số tiền 180.000.000 đồng. Xét việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Phương Lê T về việc buộc bị đơn bà Ngô Thị Ái L phải trả số tiền vay 180.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo nội dung “giấy mượn tiền” ngày 27/8/2019 thể hiện “*Hôm nay ngày 27/8/2019 tại 151 Nguyễn Hoàng – Hải Châu Đà Nẵng ...Ngô Thị Ái L, sinh năm 1985 CMND số*

201495730 cấp ngày 24/08/2013 tại CA Đà Nẵng ... có mượn của ông Phương Lê T ... số tiền 200.000.000; số tiền bằng chữ: hai trăm triệu đồng chẵn... thời gian mượn: 1 tháng, phương thức trả: Hoàn y vốn”. Theo trình bày của nguyên đơn và xác nhận của đại diện theo ủy quyền của bị đơn thì giấy mượn tiền này do bà Ngô Thị Ái L viết và ký ở mục “Người mượn tiền”.

Giấy mượn tiền ngày 27/8/2019 là hợp đồng vay tài sản, theo nội dung giấy mượn tiền thể hiện bà Ngô Thị Ái L có vay của ông Phương Lê T số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), các bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, không có thỏa thuận về lãi vay. Theo Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 quy định “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay ...”. Theo khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn ...”. Theo thỏa thuận tại giấy mượn tiền ngày 27/8/2019 thì thời hạn vay đã hết. Nguyên đơn ông Phương Lê T đã nhiều lần yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị Ái L trả tiền nhưng bà L mới chỉ trả được 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), còn lại 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) chưa trả cho ông T. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Thị Ái L, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Văn Đ cho rằng bà L không quen biết, không giao dịch với ông T mà chỉ giao dịch với người tên H ở Gia Lai, bà Liên viết giấy và ký giấy mượn tiền là theo yêu cầu của người tên H nên bà L không đồng ý trả nợ cho ông T. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy bị đơn bà Ngô Thị Ái L đã thừa nhận giấy mượn tiền ngày 27/8/2019 là do chính bà L viết và ký xác nhận, nội dung giấy mượn tiền thể hiện bà L có vay của ông T số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) như đã nêu trên. Bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện đã trả số tiền vay này cho ông T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phương Lê T, buộc bị đơn bà Ngô Thị Ái L phải trả cho ông Phương Lê T số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

[4] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Ngô Thị Ái L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

II. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phương Lê T đối với bị đơn bà Ngô Thị Ái L về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*.

2. Buộc bà Ngô Thị Ái L phải có nghĩa vụ trả cho ông Phương Lê T số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí: Bị đơn bà Ngô Thị Ái L phải chịu 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phương Lê T số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0001423 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Cường